

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HS-ST
Ngày 07 - 11 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bình.

Bà Trần Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kho - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 27/2018/TLST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn D, sinh năm: 1972 tại huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An; Nơi cư trú: Đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố 1, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An; Chỗ ở hiện nay: Khu phố 1, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Kinh doanh vận tải xe khách; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Út và bà Trần Thị Út; Vợ tên Đoàn Thị S; Con tên Nguyễn Đoàn Hải Long và Nguyễn Đoàn Hải An; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại điều tra, cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Đoàn Thị S, sinh năm: 1986; Địa chỉ cư trú: Khu phố 1, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An (vắng mặt).

- Người làm chứng:

Bà Trần Thị Th, sinh năm: 1972; Địa chỉ cư trú: Số 110, ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An (vắng mặt).

Ông Trương Hoàng T, sinh năm: 1972; Địa chỉ cư trú: Ấp Tr, xã T, huyện V, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng số 27/CT-VKSKT ngày 14 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Long An truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội “Buôn bán hàng cấm”, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tối ngày 22/5/2018 Nguyễn Văn D là chủ xe buýt biển kiểm soát 62B-007.53 sử dụng điện thoại di động Iphone7 sim số 0948573739 gọi cho người bên Campuchia mua 2.100 gói thuốc lá ngoại gồm: 900 gói Jet, 900 gói Hero, 300 gói Scott với tổng số tiền 30.510.000 đồng để đem đi thành phố T, tỉnh Long An bán lại kiếm lời. Sau đó người bán chở bằng xe mô tô ra giao cho D, D lấy số thuốc lá ngoại trên để trong thùng bí mật trong hầm xe ô tô của D đậu tại Bến xe V rồi về nhà ngủ. Đến khoảng 4 giờ 30 phút ngày 23/5/2017 tài xế Trương Hoàng T, sinh năm: 1972 ngụ xã T, huyện V, tỉnh Long An từ nhà đến nhận xe trên chạy tuyến V – Bến xe Miền Tây đi cùng với D, khi xe đi đến địa bàn xã Bình Tân, thị xã K thì có người khách không quen đón gửi 03 bịch nylon màu đen chứa 900 gói thuốc lá ngoại hiệu Jet về thành phố T có người đón nhận, D không kiểm tra bên trong có gì mà để các bịch đó trong hầm xe. Xe tiếp tục chạy đến ngã tư B thuộc xã B, thị xã K thì có chị Trần Thị Th đón xe có đem theo 03 bịch nylon màu đen và 01 giỏ xách bên trong có 914 gói thuốc lá ngoại các loại gồm: 474 gói hiệu Jet, 390 gói hiệu Hero, 50 gói hiệu 555 để trên khoan hành khách của xe, D cũng không kiểm tra nên không biết bên trong có gì. Khi xe đi đến trước Bến xe K khoảng 6 giờ 30 phút cùng ngày thì bị lực lượng tuần tra Công an thị xã K kiểm tra lập biên bản phạm tội quả tang và thu giữ 3.914 gói thuốc lá ngoại các loại gồm: 2.274 gói hiệu Jet, 1.290 gói hiệu Hero, 300 gói hiệu Scott, 50 gói hiệu 555; 01 xe ô tô biển kiểm soát 62B-007.53 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe, 01 chứng nhận kiểm định, 01 chứng nhận bảo hiểm mang tên Nguyễn Văn D; 01 điện thoại di động Iphone 7 màu vàng trắng đã qua sử dụng có sim số: 0948573739; 01 giỏ xách màu xanh đen có chữ Cty TNHHTM-SX Phước Hưng.

Tang vật hiện còn thu giữ: 01 xe ô tô biển kiểm soát 62B-007.53 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe, 01 chứng nhận kiểm định, 01 chứng nhận bảo hiểm mang tên Nguyễn Văn D; 01 điện thoại di động Iphone 7 màu vàng trắng đã qua sử dụng có sim số: 0948573739; 2.100 gói thuốc lá ngoại các loại gồm: 900 gói hiệu Jet, 900 gói hiệu Hero, 300 gói hiệu Scott.

Tại phiên tòa qua phần thẩm tra các chứng cứ Kiểm sát viên phát biểu quan điểm kết luận về vụ án và đề nghị xử lý vụ án như sau:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 190 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo D từ 120.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng như sau:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: Chiếc xe ô tô biển kiểm soát 62B-007.53 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe, 01 chứng nhận kiểm định, 01 chứng nhận bảo hiểm mang tên Nguyễn Văn D; 01 điện thoại di động Iphone 7 màu vàng trắng đã qua sử dụng có sim số: 0948573739; 2.100 gói thuốc lá điều ngoại các loại (gồm 900 gói hiệu Jet, 900 gói hiệu Hero, 300 gói hiệu Scott).

Tịch thu tiêu hủy sim điện thoại có số 0948573739.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 4 Điều 190 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì hành vi phạm tội của bị cáo D có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm. Nhưng xét thấy bị cáo D đề nghị phạt tiền là hình phạt chính và bị cáo không làm nghề hoặc công việc quan trọng nên đề nghị miễn phạt bổ sung cho bị cáo.

Riêng 900 gói thuốc lá ngoại hiệu Jet của người không quen biết và 914 gói thuốc lá ngoại của chị Trần Thị Th gồm: 474 gói hiệu Jet, 390 gói hiệu Hero, 50 gói hiệu 555 được đựng trong các bịch nylon và giỏ xách mà D nhận chở thuê nhưng không kiểm tra nên không biết bên trong có thuốc lá ngoại, do đó không có cơ sở buộc D chịu trách nhiệm về hành vi vận chuyển đối với số thuốc lá ngoại này. Số thuốc lá này chưa đủ định lượng truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K chuyển tách ra chuyển xử lý hành chính nên không xem xét.

Đối với hành vi nhận chở thuê các bịch nylon trong đó có chứa 900 gói thuốc lá ngoại hiệu Jet của người không quen biết và 914 gói thuốc lá ngoại của chị Trần Thị Th nhưng D không biết bên trong có thuốc lá ngoại, do không kiểm tra. Do đó không có cơ sở xem xét hành vi vận chuyển hàng cấm.

Đối với Trần Thị Th có hành vi buôn bán 914 gói thuốc lá ngoại các loại (gồm: 474 gói hiệu Jet, 390 gói hiệu Hero, 50 gói hiệu 555); 900 gói hiệu Jet chưa xác định chủ sở hữu, nhưng do số thuốc lá ngoại của mỗi người chưa đủ định lượng chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã K chuyển xử lý hành chính nên không đề cập xem xét trong vụ án này.

Đối với người bên Campuchia bán thuốc lá ngoại cho D, không rõ họ tên và địa chỉ, không nhớ số điện thoại, nên không thể truy tìm để xử lý về hành vi mua bán hàng cấm theo quy định.

Đối với lái xe Trương Hoàng T không biết trên xe có chở thuốc lá ngoại nhập lậu nên không đề cập xem xét trách nhiệm liên quan.

Về lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã nêu. Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nên Viện kiểm sát truy tố bị cáo để xét xử về tội “Buôn bán hàng cấm” là đúng người, đúng tội không oan. Lời khai nhận tội của bị cáo D tại phiên tòa hôm nay, được đối chiếu với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ đồ vật, tài liệu, lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Bị cáo Nguyễn Văn D sống bằng nghề kinh doanh vận tải xe khách, nhưng vì muốn có thu nhập nhiều hơn nên dùng xe khách biển kiểm soát 62B-007.53 của mình mua 2.100 gói thuốc lá điều ngoại gồm 900 gói Jet, 900 gói Hero,

300 gói Scott cất giấu trong hầm xe để vận chuyển về thành phố T bán kiếm lời. Trên đường vận chuyển đến khu phố 3, phường 1, thị xã K thì bị lực lượng tuần tra Công an thị xã K lập biên bản bắt quả tang cùng tang vật.

[3] Như vậy, đã có đầy đủ căn cứ pháp lý để kết luận rằng hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn D đủ yếu tố cấu thành tội “Buôn hàng cấm”. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Long An truy tố bị cáo D ra Tòa để xét xử theo điểm b Khoản 1 Điều 190 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo D là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến trật tự về quản lý kinh tế. Việc buôn bán hàng cấm sẽ làm xáo trộn nền kinh tế thị trường trong nước, ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển kinh tế của địa phương. Hành vi phạm tội của bị cáo D đã bị pháp luật nghiêm cấm. Do đó, cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự để có một hình phạt đối với hành vi phạm tội mà bị cáo D đã gây ra mới giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội sau này và có tác dụng răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự mà có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra bị cáo tình tiết giảm nhẹ khác chưa tiền án, tiền sự, vợ mới sinh con được 4 tháng tuổi. Được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Mặc khác tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo D đã thực hiện là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo D thuộc lĩnh vực trật tự quản lý kinh tế, bị cáo D có tài sản như xe ô tô khách thành phố, quyền sử dụng đất đủ khả năng thi hành hình phạt tiền là hình phạt chính. Do đó, đối với bị cáo D không cần áp dụng hình phạt tù mà chỉ cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo D gây ra cũng có tác giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[6] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng như sau:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: Chiếc xe ô tô biển kiểm soát 62B-007.53; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe; 01 chứng nhận kiểm định; 01 chứng nhận bảo hiểm mang tên Nguyễn Văn D; 01 điện thoại di động Iphone 7 màu vàng trắng đã qua sử dụng có sim số 0948573739; 2.100 (hai ngàn một trăm) gói thuốc lá điều ngoại các loại (gồm 900 gói hiệu Jet, 900 gói hiệu Hero, 300 gói hiệu Scott).

Tịch thu tiêu hủy sim điện thoại có số 0948573739.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 4 Điều 190 của Bộ luật hình sự thì hành vi phạm tội của bị cáo D có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm. Xét thấy, bị cáo D được xem xét phạt tiền là hình phạt chính và bị cáo không làm nghề hoặc công việc quan trọng nên đề nghị miễn phạt bổ sung cho bị cáo.

[8] Riêng 900 gói thuốc lá điều ngoại hiệu Jet của người không quen biết với bị cáo D và 914 gói thuốc lá điều ngoại của chị Trần Thị Th được đựng trong các bịch nylon và giỏ xách mà bị cáo D nhận chở thuê. Tuy nhiên bị cáo D không kiểm

tra nên không biết bên trong có thuốc lá điều ngoại nên không có cơ sở buộc bị cáo D chịu trách nhiệm về hành vi vận chuyển hàng cấm đối với số thuốc lá điều ngoại này. Số thuốc lá điều ngoại này của từng người như người không quen biết với bị cáo D và chị Trần Thị Th chưa đủ định lượng truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K chuyển tách ra chuyển xử lý hành chính nên không xem xét là phù hợp.

[9] Đối với người bên Campuchia bán thuốc lá điều ngoại cho D, không rõ họ tên và địa chỉ, không còn số điện thoại, nên không thể truy tìm để xử lý về hành vi mua bán hàng cấm nên không xem xét là phù hợp.

[10] Đối với lái xe Trương Hoàng T không biết trên xe có chở thuốc lá điều ngoại nhập lậu nên không đề cập xem xét trách nhiệm liên quan là phù hợp.

[11] Từ những nhận xét nêu trên cũng như qua tranh luận tại phiên tòa. Xét thấy, trong quá trình điều tra, truy tố các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng quy định. Vì vậy, đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ đúng pháp luật nên chấp nhận.

[12] Về án phí theo quy định của pháp luật buộc bị cáo D phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 190; Điều 35; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu) về tội “Buôn bán hàng cấm”.

Tiếp tục cấm bị cáo Nguyễn Văn D đi khỏi nơi cư trú để đảm bảo công tác thi hành án dân sự.

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng như sau:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: Chiếc xe ô tô biển kiểm soát 62B-007.53; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe; 01 chứng nhận kiểm định; 01 chứng nhận bảo hiểm mang tên Nguyễn Văn D; 01 điện thoại di động Iphone 7 màu vàng trắng đã qua sử dụng có sim số 0948573739; 2.100 (hai ngàn một trăm) gói thuốc lá điều ngoại các loại (gồm 900 gói hiệu Jet, 900 gói hiệu Hero, 300 gói hiệu Scott).

Tịch thu tiêu hủy sim điện thoại có số 0948573739.

Các vật chứng này hiện Cơ quan Thi hành án dân sự thị xã K, tỉnh Long An đang quản lý (theo biên bản giao nhận ngày 21 tháng 9 năm 2018).

Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo Nguyễn Văn D báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bà Đoàn Thị S được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã, tỉnh;
- Cảnh sát điều tra Công an TXKT;
- Chi cục THADS thị xã;
- Bị cáo, liên quan;
- Đội CSTHAHS và hỗ trợ tư pháp;
- Thi hành án phạt tù;
- Lưu hồ sơ; Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trình Văn Út

